BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
Địa chỉ: Khu phố 6, phường Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028.38966780 - 028.38963350

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 5 năm 2024

CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
Ngành Bảo vệ thực vật

- Tên ngành đào tạo tiếng Việt (tiếng Anh): Bảo vệ thực vật (Plant Protection)
- Mã ngành: 7620112
- Loại hình đào tạo: Chính quy
- Thời gian đào tạo: 4 năm
- Bằng tốt nghiệp: Kỹ sư Bảo vệ thực vật

1. Chuẩn đầu ra

Ngoài các yêu cầu chung về đạo đức nghề nghiệp, thái độ tuân thủ các nguyên tắc an toàn nghề nghiệp, trình độ lý luận chính trị, kiến thức quốc phòng - an ninh theo quy định hiện hành và đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định hiện hành về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành, người học sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo ngành Bảo vệ thực vật (BVTV) phải đạt được các yêu cầu năng lực tối thiểu sau đây:

1.1. Kiến thức

Trên cơ sở yêu cầu tối thiểu về kiến thức mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp, chương trình đào tạo ngành BVTV cụ thể hóa các kiến thức thành các chuẩn đầu ra cấp Chương trình đào tạo (Programme Learning Outcomes - gọi tắt là "PLOs") chia ra thành 2 phần:

1.1.1. Kiến thức chung

PLO 1: Vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên và khoa học xã hội làm nền tảng cho việc tiếp thu các học phần cơ sở ngành và giải thích các vấn đề liên quan đến lĩnh vực BVTV.

PLO 2: Vận dụng kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành để xây dựng các quy trình sản xuất cây trồng hiệu quả, phù hợp với thực tiễn.

1.1.2. Kiến thức nghề nghiệp

PLO 3: Đánh giá tác động của các kỹ thuật canh tác đến sinh trưởng, phát triển, năng suất và chất lượng cây trồng.

PLO 4: Tổng hợp kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành để hình thành cơ sở lý luận về quản lý cây trồng tổng hợp.

PLO 5: Cải tiến các giải pháp kỹ thuật phục vụ giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực BVTV.

1.2. Kỹ năng

1.2.1. Kỹ năng chung

PLO 6: Khai thác ngoại ngữ, công nghệ thông tin, phần mềm chuyên ngành và kỹ năng mềm trong học tập, nghiên cứu và thực hành chuyên môn thuộc lĩnh vực BVTV.

1.2.2. Kỹ năng nghề nghiệp

PLO 7: Thiết kế các đề tài nghiên cứu trong lĩnh vực BVTV.
PLO 8: Tổ chức các hoạt động nghề nghiệp thuộc lĩnh vực BVTV.
PLO 9: Ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học vào thực tiễn sản xuất.
PLO 10: Quản lý các hoạt động nghề nghiệp thuộc lĩnh vực BVTV.
PLO 11: Tư vấn các giải pháp kỹ thuật quản lý cây trồng tổng hợp phù hợp với điều kiện sản xuất thực tiễn.

1.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp

PLO 12: Thể hiện ý thức và trách nhiệm trong việc vận dụng kiến thức lý luận chính trị, giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng - an ninh để rèn luyện sức khỏe tinh thần và thể chất, có ý thức học tập suốt đời và đóng góp tích cực vào xây dựng, bảo vệ cộng đồng, địa phương và Tổ quốc.

2. Sự tương quan, nhất quán giữa Mục tiêu đào tạo (POs) và chuẩn đầu ra (PLOs)

Bảng 1. Phân loại chuẩn đầu ra chương trình đào tạo ngành Nông học

POs	PLOs											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	1	1										
2			2	2	2							
3						3						
4							4	4	4	4	4	
5												5

PLO 01, 02,...., PLO12: CĐR cấp CTĐT; POs: Mục tiêu cụ thể của CTĐT

1 Kiến thức chung
2 Kiến thức nghề nghiệp
3 Kỹ năng chung
4 Kỹ năng nghề nghiệp
5 Năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp

Bảng 2. Ma trận đóng góp của các học phần cốt lõi với các PLOs

STT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	PLOs											
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	204103	Sinh lý thực vật	3		A	A	M	R		R	I	R		I	R
2	204716	Côn trùng đại cương	3		A	A	M	R		M	I	R	R	I	R
3	204752	Bệnh cây đại cương	3		A	A	M	R		M	I	R	R	I	R
4	204926	Khóa luận tốt nghiệp	12	M	A	A	A	A	A	A	A	A	A	A	M

Thang đánh giá mức đóng góp

I Introduction **R** Reinforced **M** Mastery **A** Assessment

3. Cơ hội nghề nghiệp

Chương trình đào tạo ngành BVTV trang bị cho sinh viên có đủ năng lực đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường lao động và hội nhập quốc tế. Sau khi ra trường, sinh viên có thể làm việc tại các công ty, nhà máy, trang trại, các cơ quan quản lý nhà nước, trường và viện nghiên cứu với các vị trí việc làm bao gồm:

- Nghiên cứu, giảng dạy: làm việc tại các Viện nghiên cứu, trường đại học, cao đẳng, trung học dạy nghề trong lĩnh vực BVTV.

- Quản lý nhà nước, chuyển giao khoa học công nghệ: làm việc tại các cơ quan quản lý nhà nước (cán bộ nông nghiệp xã, huyện; UBND các cấp; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Khoa học và Công nghệ); các cơ quan trồng trọt và BVTV; các cơ quan khuyến nông; chi cục BVTV; kiểm dịch thực vật; các trung tâm dịch vụ nông nghiệp.

- Quảng bá sản phẩm, sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ nông nghiệp: làm việc tại các công ty kinh doanh vật tư nông nghiệp (giống, phân bón, thuốc BVTV); các công ty dịch vụ nông nghiệp (trừ mối, khử trùng, kiểm định).

4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo ngành BVTV có khả năng tự học và học tập suốt đời, tự phát triển nghề nghiệp trong lĩnh vực BVTV; đáp ứng tốt yêu cầu học tập ở các trinh độ cao hơn (Thạc sỹ, Tiến sỹ) trong lĩnh vực BVTV tại các Viện nghiên cứu, cơ sở đào tạo hoặc các trường đại học trong và ngoài nước.

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Duy Năng